

TÔN GIÁO VÀ QUÁ TRÌNH THẾ TỤC HÓA

NGUYỄN XUÂN NGHĨA

Một điều trớ trêu cho xã hội học tôn giáo, trong những năm gần đây, một trong những tiêu điểm nghiên cứu của xã hội học tôn giáo lại là quá trình thế tục hóa (sécularisation) các tôn giáo, quá trình mà người ta thường đồng hóa với sự giảm sút vai trò xã hội của các tôn giáo, thậm chí còn được xem như quá trình tàn lụi của tôn giáo.

Khái niệm thế tục hóa có nguồn gốc từ những nền văn hóa Tây phương, từ những nền văn hóa chịu ảnh hưởng nặng nề Kitô giáo. Do đó khi những nhà xã hội học đề cập đến khái niệm thế tục hóa, chúng ta phải đặt trong bối cảnh trên ¹. Khái niệm này có thể áp dụng cho các tôn giáo thuộc những nền văn hóa khác không còn là một vấn đề đang được tranh cãi. Nhưng dù sao, như chúng ta sẽ tìm hiểu, quá trình thế tục hóa gắn liền với quá trình hiện đại hóa (processus de modernisation) - một quá trình mang tính phổ quát mà mọi dân tộc, mọi xã hội dù muốn dù không cũng phải đối diện trong quá trình phát triển của mình.

1/ Sự khai sinh của lý thuyết thế tục hóa:

Thư tịch về lý thuyết thế tục hóa cho chúng ta biết trước tiên thuật ngữ "thế tục hóa" chỉ nhằm để mô tả một số hiện tượng trong xã hội trước khi trở thành đối tượng của các tranh cãi lý thuyết như hiện nay. Thuật ngữ này lần đầu tiên được sử dụng trong hoà ước Westphalie để chỉ việc chuyển giao các tài sản của giáo hội cho các thế lực trần tục. Một ý nghĩa khác của thuật ngữ này ám chỉ tư cách của một tu sĩ chuyển từ dòng tu sang tu triều. Trong nhiều năm, ở châu Âu, để chỉ những hình thái khác nhau của hiện tượng thoái trào của các tôn giáo nói chung người ta đã sử dụng các thuật ngữ như "thế tục hóa", "phiếm thần hóa", "phi linh hóa" hay những cụm từ như "sự bành trướng của vô tôn giáo, của phi tín ngưỡng"... Những thuật ngữ này hoặc quá rộng hoặc quá hẹp, do đó người ta hài lòng với thuật ngữ "thế tục hóa" xuất hiện. Thật ra thuật ngữ này lần đầu tiên được sử dụng trong xã hội học do Max Weber. Sau đó thuật ngữ này được sử dụng rộng rãi ở Anh Mỹ, và khi du nhập trở lại Pháp và Âu châu nói chung, nó được đón nhận một cách rộng rãi và mang một ý nghĩa bao quát, có thể ứng dụng để chỉ các quá trình thu hẹp vai trò xã hội của tôn giáo nói chung. Cũng trong các ý nghĩa chủ yếu của nó, thuật ngữ này nói lên "sự độc lập của lãnh vực thế tục" và cả những thay đổi bên trong các tôn giáo.

Những nhà sáng lập bộ môn xã hội học, như A. Comte, H. Spencer trong thực tế đã không sử dụng thuật ngữ này, ngay cả E. Durkheim, mặc dù nhà xã hội học này đã đề cập đến nội dung của vấn đề này trong cuốn sách *Về phân công lao động xã hội* của ông:

"Nếu có một sự thật trong lịch sử mà ta không chút nghi ngờ gì, đó là tôn giáo bao trùm một lãnh vực ngày càng nhỏ đi trong xã hội. Tự khởi thủy tôn giáo bành trướng ra mọi lãnh vực, tất cả những gì có tính chất xã hội đều có tính tôn giáo; hai thuật ngữ xã hội

¹ Bilton và tgk. *Nhập môn xã hội học*. Viện Xã hội học. NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội. 1993. tr 374-377.

và tôn giáo đồng nghĩa với nhau. Sau đó, dần dần các chức năng chính trị, kinh tế, khoa học thoát khỏi ảnh hưởng của tôn giáo, hình thành nên các chức năng riêng biệt và mang tính thế tục ngày càng rõ...¹

Riêng đối với M. Weber, ông đã sử dụng thuật ngữ này để mô tả những hiện tượng lịch sử riêng biệt. Trong cuốn sách *Đạo đức thế phàn và tinh thần tư bản chủ nghĩa* của ông ta, thuật ngữ thế tục hóa khi thì chỉ sự giảm sút một cách tổng quát của tinh chất tôn giáo trong xã hội, khi thì chỉ giai đoạn của việc chuyển từ tính tôn giáo sang tính thế tục (ví như việc chuyển từ một tổ chức giáo phái sang một tổ chức hiệp hội...), khi thì chỉ sự đánh mất quyền kiểm soát của thẩm quyền tôn giáo trên một vài lãnh vực của đời sống xã hội. Thật ra M. Weber không bao giờ nói đến thế tục hóa như một khuynh hướng phổ quát của lịch sử. Để chỉ một khuynh hướng phổ quát như vậy ông ta dùng thuật ngữ "duy lý hóa" (rationalisation) khuynh hướng duy lý hóa của thời hiện đại².

Vào những năm 50 của thế kỷ này, những nhà xã hội học và những nhà sử học bắt đầu sử dụng thuật ngữ này một cách ý thức hơn, đôi khi người ta cố gắng định nghĩa và đặt nó trong một bối cảnh rộng lớn hơn. Lý thuyết của H. Becker là lý thuyết đầu tiên và điển hình cho khuynh hướng này. Lý thuyết của ông đặt trên khái niệm thế tục hóa như là một sự vận động từ một xã hội có tính cách chủ yếu linh thiêng đến một xã hội chủ yếu có tính cách thế tục. Lý thuyết của H. Becker đáng cho chúng ta quan tâm vì lần đầu tiên thuật ngữ thế tục hóa được sử dụng như một phạm trù lớn để giải thích lịch sử.

Vào những năm 60, một thế hệ mới những nhà xã hội học thuộc Hiệp hội quốc tế xã hội học tôn giáo (CIRS), trong nỗ lực muốn phân tích vấn đề tôn giáo trong xã hội hiện đại, đã phác thảo những lý thuyết thế tục hóa đầy tham vọng. Năm 1959, Acquaviva đã bắt đầu ý thức những gai góc của vấn đề thế tục hóa và ông ta là người đầu tiên của CIRS đề nghị xây dựng một lý thuyết tổng quát về thế tục hóa được đặt trong khuôn khổ bộ môn xã hội học nhận thức (sociologie de connaissance). Sau đó, vào năm 1967, nghĩa là hai năm sau khi cuốn sách của H. Cox "Đô thị thế tục" được xuất bản, một cuộc tranh luận về lý thuyết thế tục hóa đã diễn ra. Người đầu tiên phê bình các lý thuyết thần học về thế tục hóa là Leslie Paul, nhưng ông ta chỉ đứng trên quan điểm mục vụ. Hai năm sau, vào năm 1969, một cuộc tranh luận mới về thế tục hóa do Dobbelaele và Lawels chủ xướng. Hai tác giả này chủ yếu dựa trên các lý thuyết của Berger và Luckmann. Nhưng thật ra chỉ tới hội nghị lần thứ 11 của CIRS vào năm 1971, cuộc tranh luận về quan điểm thế tục hóa mới thật sự bắt đầu³.

Nói tóm lại, vào đầu thế kỷ, thuật ngữ thế tục hóa đã được sử dụng khá rộng rãi trong xã hội học. Nhưng mãi đến năm 1965 vẫn không có một sự thống nhất về nội dung khái niệm này. Ngoại trừ H. Cox là một nhà thần học hầu hết các lý thuyết gia về thế tục hóa đều là những nhà xã hội học, ví như Berger, Luckmann, Martin. Và từ năm 1971 đến năm 1979, các nhà xã hội học sử dụng thuật ngữ này như là một khẩu hiệu để tập hợp những cuộc tranh cãi trong xã hội học tôn giáo. Chỉ từ 1979, với cuộc hội nghị lần thứ 15 của CIRS, các nhà xã hội học mới thống nhất cách đặt vấn đề về thế tục hóa và cũng chỉ từ năm này họ mới có một ngôn ngữ chung về thế tục hóa. Nhưng từ năm 1980 trở đi các nhà xã hội học tôn giáo lại xoay qua một vấn đề mới: nghiên cứu những phong trào tôn giáo trong xã hội học.

¹ Durkheim. *De la division du travail*, 4e edition, Paris, Alean, 1922, p.143.

² Max Weber, *L'Echique protestante et l'esprit capitalise*, Plon, 1964, coll, Presses Pocket, 1991, pp.36. 243.237.

³ CISR 11: *Religion et religiosités, athéisme et incroyance dans les sociétés urbaines et industrielles*, Lille, 1971.

2/ Ba cấp độ của khái niệm thế tục hóa:

Mặc dù có những dị biệt trong các lý thuyết về thế tục hóa, nhưng từ 1979 trở đi, các nhà xã hội học tôn giáo đều đề cập đến những yếu tố chung trong khái niệm này. Trong thực tiễn, thế tục hóa là một quá trình rất phức tạp nên đã đưa đến những nhầm lẫn, những tranh cãi. Để tránh những mơ hồ, có lẽ cần thiết phải phân biệt ba cấp độ hay ba chiều kích của khái niệm thế tục hóa: cấp độ cá nhân, cấp độ tổ chức (hay định chế) và cấp độ xã hội.

a) Trên bình diện xã hội, thế tục hóa là một quá trình qua đó tôn giáo với tính cách là một hệ thống (système) bao trùm lên một hệ thống khác và có tính cách siêu việt đã trở thành một tiểu hệ thống (sous-système) cũng như bao tiểu hệ thống khác của xã hội¹. Nói cách khác, quá trình thế tục hóa liên quan đến việc hình thành các định chế xã hội có tính cách độc lập. Trong các định chế xã hội đó, các hệ ý thức độc lập trong phạm vi ảnh hưởng của mình đã thay thế cái vũ trụ quan linh thiêng, thống nhất, phổ quát và truyền thống trước đây đã bao trùm lên tất cả các định chế xã hội khác. Hay rõ ràng hơn, tôn giáo không còn là yếu tố điều hòa, yếu tố tổ chức đời sống xã hội. Những lãnh vực xã hội như chính trị đạo đức, luật pháp, tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật... dần dần thoát khỏi sự chi phối của tôn giáo và không còn mang ý nghĩa tôn giáo. Quá trình phân biệt hóa (différenciation) có thể bắt nguồn trong lãnh vực tư tưởng như các quan điểm của Luckmann hay Bellah, hay thông thường hơn bắt nguồn từ bình diện cơ cấu xã hội như quan điểm của Berger, Wilson, Fenn, Martin... Tác giả K. Dobbelaere đề nghị gọi khía cạnh này (khía cạnh xã hội) của thế tục hóa là sự trần tục hóa (laicisation) các định chế xã hội, trong khi F. A. Isambert gọi đó là sự độc lập hóa của lãnh vực thế tục.

Các nhà xã hội học cũng liên kết quá trình thế tục hóa với quá trình duy lý hóa (rationalisation) thường được quan niệm như: a) một quá trình xảy ra trong toàn thể xã hội và được đánh dấu bởi sự thư lại hóa, sự quan liên hóa và tính khuyết danh, phi ngã (như quan điểm của Weber, Wilson, Berger...), bị một khuynh hướng lớn đã xuất hiện trước hết trong tôn giáo và sau đó trong các lãnh vực khác của xã hội trảm quan điểm của Berger), có hay như là biểu hiện của tính hiệu suất hoặc thế giá càng ngày càng gia tăng của khoa học.

Từ quá trình phân biệt hóa và duy lý hóa đó, tôn giáo đã giao lại cho nhà nước thế tục một số những tổ chức trước đây thuộc lãnh vực ảnh hưởng của mình (như lãnh vực hộ tịch, các cơ sở y tế, giáo dục, cứu tế... Theo P. Bourdieu không những tôn giáo mất đi những chức năng xã hội cụ thể mà cả những chức năng biểu tượng, ví như y học đã đảm trách chức năng của tôn giáo trước đây trong các lễ thức chuyển tiếp trong các giai đoạn của đời người như sinh, tử²).

Nhưng nếu quan niệm rằng thế tục hóa là quá trình phát triển của các định chế thoát khỏi ảnh hưởng của tôn giáo, thì cũng cần tránh thái độ xem quá trình bành trướng của lãnh vực thế tục là chỉ báo của vô tôn giáo (irreligion). Ngược lại, chính nhiều nhà thần học xem quá trình thế tục hóa là sự trưởng thành của tôn giáo và của xã hội - như các quan điểm của F. Gogarten, H. Fox, C. Troisfontaines... Các tác giả này đã đánh giá cao vai trò tích cực của thế tục hóa. Theo F. Gogarten, thế tục hóa là hệ luận hợp lý của quá trình Thiên chúa giáo lại trái đất này cho con người. Trước kitô giáo con người thiết lập một mối quan hệ "thần bí" với vũ trụ và ngay từ khởi thủy kể từ khi xuất hiện, kitô giáo đã phi linh

¹ K. Dobbelaere. "Secularization theories and sociological paradigms: convergences et divergences". *Social Compass*, XXI/2-3.1984, p. 200.

² Bourdieu, "Génese et structure de champs religieux". *Revue française de Sociologie*, 12/3.

hóa vũ trụ và cho phép con người đảm nhận những trọng trách. Tóm lại, Tính thể tục chính đáng, hiểu như sự độc lập của các thực tại trần thế, sự đề cao con người, trái đất và lịch sử là một sự kiện tích cực. Quá trình này bắt nguồn trong truyền thống do thái - kitô giáo, và nó đã được trân trọng thừa nhận bởi Công đồng Vatican 2 (Hiến chế Vui mừng và Hy vọng) ¹.

b) Trên cấp độ định chế và tổ chức, quá trình thể tục hóa có thể xảy ra trong chính lãnh vực tôn giáo. Trong những năm năm mươi, sáu mươi, so với các xã hội Tây phương, Hoa kỳ là nơi vẫn còn có tỷ lệ của các thực hành tôn giáo (pratiques religieuses) vẫn còn ở mức cao, mặc dù do quá trình phân biệt hóa định chế và duy lý hóa Hoa kỳ phải được xem là xã hội "hiện đại" nhất trong số các xã hội Tây phương. Để giải thích sự nghịch lý này và để có thể tiếp tục duy trì lý thuyết thể tục hóa, các nhà xã hội học đã đề cập một khía cạnh khác của quá trình thể tục hóa đó là "thể tục hóa nội tại" (sécularisation interne), thể tục hóa bên trong các tôn giáo ². Việc giảm ảnh hưởng của hệ thống tôn giáo có thể do sức ép từ thế giới trần tục bên ngoài, nhưng quá trình này cũng có thể được chấp nhận từ bên trong các tôn giáo và được xem là chính đáng ngay từ quan điểm tôn giáo. Và trào lưu "thủ tục hóa bên trong" của tôn giáo có thể xem như là một sự thanh tẩy. Thứ đến, không những xã hội càng ngày càng ít chịu ảnh hưởng của tôn giáo, mà ngược lại các định chế và ứng xử tôn giáo ngày càng bị thâm nhập bởi những giá trị, những chuẩn mực khoa học và kỹ thuật đang ngày càng chi phối xã hội trần thế. Cuối cùng, thể tục hóa tôn giáo trở thành quá trình phi linh hóa được biểu hiện trong các xu hướng cải cách lễ nghi, phụng vụ, cải cách trong sinh hoạt của nhà thờ, trong đời sống của tu sĩ (như việc cử hành Thánh lễ đồng tế ở gia đình... Một cách tổng quát, những cải cách này trở lại với các hình thức, các mô thức ứng xử tương tự trong đời thường; các tổ chức tôn giáo càng có tính cách hợp lý hơn; tu sĩ chú trọng hơn các sinh hoạt của cộng đồng, các sinh hoạt xã hội...).

Tuy nhiên, trong giáo hội xu hướng bảo thủ không chấp nhận khái niệm "thể tục hoá bên trong" này, vì cho rằng đó là sự lùi bước của tôn giáo, và cũng không chấp nhận sự xâm nhập của tinh thần thể tục vào trong chính tôn giáo.

c) Trên cấp độ cá nhân, quá trình thể tục hóa biểu hiện trước hết ở sự giảm sút trong việc thực hành tôn giáo và ở một số niềm tin truyền thống. Dobbelaere gọi đó là sự giảm sút của tính hội nhập tôn giáo ³. Nhưng sự giảm sút đó có nhiều mức độ khác nhau tùy theo các lãnh vực các "chiều kích" của tôn giáo. Charles Glock phân ra các chiều kích sau trong tính tôn giáo: chiều kích lệ tư tưởng, chiều kích lệ thức, chiều kích tồn tại, chiều kích xã hội... Những chuyển biến, thay đổi trong các chiều kích này không cùng một quy mô và ít nhiều độc lập với nhau ⁴.

Ở cấp độ này, càng ngày người ta càng thấy gia tăng sự chọn lựa cá nhân, bởi lẽ một mặt các giáo hội định chế có xu hướng dành một vị trí quan trọng, tích cực hơn cho tầng lớp giáo dân. Mặt khác, người ta nhận thấy có một xu hướng chung là việc chuyển dịch từ những tôn giáo định chế, truyền thống sang những cộng đồng tôn giáo có tính cách tự nguyện hơn, ở đó cá nhân tham gia một cách tích cực hơn, với ý thức chọn lựa nhiều hơn. Hơn thế nữa, một vài tác giả như Th. Luckmann và P. Berger đưa ra nhận định là trong các xã hội càng ngày càng thể tục hóa, các tôn giáo định chế, chính thức càng ngày càng có xu hướng

¹ F. Rode: "Sécularisation et secularisme" in P. Poulard: *Dictionnaire des religions, PUR, 1964*, p. 1564.

² F. A. Isambert. "La sécularisation interne du christianisme". *Revue Française de sociologie*, 17, 1976, pp. 573-589

³ K. Dobbelaere. "Secularization: a multi-dimentional concept". *Current Sociology*, 29(2). 1982. p.11-13.

⁴ C. Glock: "Y a-t-il un réveil religieux aux Etats unis?" *ASR*. 12. 1961. juill-dec. pp 5-52.

giảm sút vai trò trong khi cá nhân vẫn luôn cảm thấy cần có một hệ thống quy chiếu, để tìm thấy ý nghĩa trong cuộc sống, để tìm thấy một bản thể (identité) cho chính mình, do đó cá nhân có xu hướng xây dựng cho mình một tôn giáo riêng tư, "vô hình" (Luckmann). Ngoài ra quá trình thế tục hóa đi song song với một quá trình cá nhân hóa, tư nhân hóa như vậy sẽ đưa đến một tình trạng đa nguyên qua đó các tôn giáo sẽ cạnh tranh với nhau trong việc chinh phục các tín đồ, như trường hợp đã xảy ra đối với các giáo phái Tin lành tại Hoa Kỳ.

Như vậy, trái ngược với các lý thuyết tiến hóa, như lý thuyết của A. Comte chẳng hạn, đã cho rằng số phận của các tôn giáo trong các xã hội hiện đại bị định đoạt bởi xu hướng của các định luật thiên nhiên chi phối lịch sử của con người và tôn giáo ngày càng giảm sút vai trò đáng kể do sự tiến hóa trên và sẽ bị thay thế bởi một hệ thống nhận thức khách quan, ngày nay các nhà xã hội học, các nhà thần học mặc dù thừa nhận rằng quá trình thế tục hóa là không thể đảo ngược, nhưng mát khác thừa nhận tôn giáo là một thành tố tồn tại lâu dài trong xã hội loài người. Ngày nay hầu hết các nhà xã hội học đều không tiên đoán một sự tiêu vong của tôn giáo, như nhận định tổng kết của B. Wilson: "Quá trình tục hóa không triệt tiêu tôn giáo và chỉ có những lối giải thích duy thể tục (interprétations sécularistes) giản đơn nhất mới đi đến những kết luận như vậy"¹. Một cách tổng quát, người ta thừa nhận rằng quá trình thế tục hóa là một quá trình không đơn giản: "cá nhân hóa" tôn giáo có thể xem là một mất mát đối với đối với các tôn giáo định chế, nhưng quá trình cá nhân hóa này có thể đem lại một cảm thức tôn giáo định chế, nhưng quá trình cá nhân hóa này có thể đem lại một cảm thức tôn giáo trung thực hơn, có chọn lựa, ý thức hơn; việc phổ quát hóa các giá trị tôn giáo có thể làm cho tôn giáo tan loãng ra, không còn đặc trưng, nhưng dẫn đến việc thực hiện các giá trị mà tôn giáo đã đề cao, bảo vệ; nhà thờ sẽ vắng bóng tin đồ lui tới, những tôn giáo vẫn luôn là một lực lượng xã hội đáng kể; cuối cùng tôn giáo có sức mạnh lớn trong việc tạo nên một cảm thức gắn bó với một cộng đồng, và điều này giải thích phần nào sự tan rã của một số nhà nước - như ở Phi Châu, ở Đông Âu - và việc tái tổ chức những cộng đồng dựa trên các yếu tố chủng tộc và tôn giáo.

Tóm lại, tôn giáo bị "thế tục hóa" trong ý nghĩa nó bị "phi linh hóa" và hòa nhập vào thế giới với những hình thức thế tục. Quá trình này, theo những thuật ngữ của bà Danièle Hervieu Léger, giám đốc nghiên cứu phân ban xã hội học tôn giáo trường Cao học Khoa học Xã hội Pháp (EHSS), là sự tái tổ chức của các lực lượng tôn giáo trong các xã hội hiện đại: "... Thế tục hóa không phải là một sự biến mất của tôn giáo khi phải đối đầu với tính duy lý: đó là một quá trình tái tổ chức thường xuyên của công việc tôn giáo trong một xã hội mà tự cơ cấu là bất lực trong việc thỏa mãn những chờ đợi vốn có trong tồn tại của xã hội"².

3/ Lý thuyết thế tục hóa trong các nghiên cứu của các nước xã hội chủ nghĩa:

Từ những năm 1970, trong bộ môn xã hội học tôn giáo của các nước xã chủ nghĩa, nhiều tác giả đã đề cập đến vấn đề thế tục hóa. Lấy thí dụ, trong tuyển tập "Quá trình thế tục hóa trong xã hội xã hội chủ nghĩa", tác giả R.A. Lopatkin đưa ra một định nghĩa về thế

¹ B. Wilson: "Secularization and the survival of the sociology of religion". *The journal of Oriental Studies*, 26(1).

² D. Hervieu-Leger. F. Champion. *Vers un nouveau christianisme. Introduction a la sociologie du christianisme* Paris. Cerf. 1987. p. 227.

tục hóa như sau: "Thế tục hóa là một quá trình giải phóng xã hội và cá nhân - trong mọi khía cạnh, trong mọi lãnh vực của cuộc sống và trong mọi hoạt động - thoát khỏi ảnh hưởng của tôn giáo. Trong quá trình đó ý thức của xã hội và của cá nhân được củng cố bởi triết lý duy vật và bởi hệ thống những chuẩn mực, những giá trị xuất phát từ triết lý đó. Điều này là điều kiện cần thiết cho sự vận hành và phát triển của xã hội và của cá nhân"¹

Trong viễn tượng đó, quan niệm xã hội học về thế tục hóa chỉ là một sự ứng dụng của lý thuyết xã hội học tổng quát, đó là chủ nghĩa duy vật lịch sử. Như vậy những nghiên cứu về thế tục hóa không khác bao nhiêu những công trình xuất bản trước đó của bộ môn xã hội học tôn giáo trong các nước xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa duy vật lịch sử là cơ sở cho những nghiên cứu trước đó dĩ nhiên cũng có thể được xem như một lý thuyết về thế tục hóa. Trong khi những nhà xã hội học Tây phương thừa nhận rằng tôn giáo rút khỏi một vài phạm vi, một vài lãnh vực của đời sống của xã hội, thì những nhà xã hội học xô viết đẩy xa khẳng định này: tôn giáo đang biến mất và sẽ biến mất khỏi mọi lãnh vực của đời sống xã hội.

Các lý thuyết về thế tục hóa trong xã hội học Tây phương đặt cơ sở trên những giả định: có sự phân biệt giữa cái tôn giáo và cái không tôn giáo, giữa bản chất của tôn giáo và những hình thức, những hiện tượng thất thường của tôn giáo, trong khi đối với chủ nghĩa duy vật lịch sử tôn giáo là biểu tượng ảo tưởng và sai lệch về thực tiễn xã hội mà nguồn gốc của nó là ý thức chủ quan của cá nhân. Mặt khác trong các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, người ta có xu hướng đi đến việc thực hiện một mô thức xã hội mà một trong các đặc trưng của mô thức này là tính thế tục và cũng trong mô thức này tôn giáo là một yếu tố ngoại vi, một yếu tố phân chức năng (dysionctionne). Cũng trong lối nhìn này thế tục hóa không còn là sự đa dạng hóa hay cá nhân hóa - như trong các lý thuyết thế tục hóa ở phương Tây mà là một sự đồng nhất hóa. Cuối cùng trong xã hội xô viết trước đây, khó mà phân biệt sự khác biệt giữa những quan điểm nghiên cứu xã hội học và những quan điểm của các chính sách trong thực tiễn.

Tuy nhiên trong các năm 1979-1981, ở Liên Xô đã có một tranh cãi lý thuyết về tôn giáo được khởi xướng bởi S.A. Tokarev trong tạp chí "Dân tộc học xô-viết". Cuộc tranh cãi này cho phép xem xét lại sự diễn biến hiện nay của tôn giáo. Sau đây là một vài tóm tắt về quan điểm của S.A Tokarev và các học trò của ông ta:

Tokarev đã đặt lại vấn đề các lỗi tiếp cận Xô Viết về tôn giáo. Ông cũng đã đưa ra một định nghĩa chức năng về tôn giáo chứ không dựa trên định nghĩa về bản chất tôn giáo như vẫn được các nhà khoa học lịch sử Liên Xô vẫn sử dụng. Và ông ta cũng xét lại các mối tương quan của tôn giáo với xã hội trong lý thuyết của các tác giả Liên Xô.

Tokarev không chỉ thấy trong các hiện tượng tôn giáo một nhận thức sai lệch về thế giới mà còn là một nỗ lực được chế ngự thế giới, một phương cách để tồn tại trong thế giới vong thân. Mặt khác, J.A.V. Minkjavicjus - một trong những người ủng hộ Tokarev trong tranh luận này - đã viết rằng sự kiện tôn giáo tồn tại trong các hệ thống chính trị xã hội khác nhau chứng tỏ rằng tôn giáo rõ ràng không có thể xuất phát từ trí tưởng tượng. Do đó, để đấu tranh chống lại tôn giáo không phải là cải tạo các tín đồ mà bằng cách xây dựng lại thực tiễn xã hội thì tôn giáo sẽ biến mất.

Tokarev cho rằng tôn giáo không có thể chỉ có chức năng ảo tưởng và bù trừ, mà tôn giáo ngược lại còn có chức năng hội nhập và chức năng phân biệt các tập đoàn người khác

¹. Về một xã hội giải phóng khỏi tôn giáo (Quá trình thế tục hóa trong xã hội xã hội chủ nghĩa) Matxcova. Viện Vô thần khoa học. 1970. tr. 9.

nhau. Tokarev từ bỏ định nghĩa về bản chất của tôn giáo trong mối tương quan với cái siêu tự nhiên, định nghĩa thường được các nhà nghiên cứu Xô Viết sử dụng và ông đề nghị một định nghĩa chức năng rộng hơn:

Từ lâu tôn giáo không chỉ nhằm giải thích thế giới vật chất; ngược lại nó khẳng định ý đồ đem lại ý nghĩa tổng quát cho cuộc sống và nhằm giải quyết những vấn đề triết học và đạo đức quan trọng nhất. Trước hết nó ước muốn mang lại câu trả lời cho vấn đề nguồn gốc của đau khổ và đem lại những giải pháp chống lại sự đau khổ¹.

Còn về quá trình thể tục hóa, J.A.V. Minkjavicjus đi từ nhận định tôn giáo không đang ở trong quá trình thoát trào và ông khẳng định rằng quá trình thể tục hóa không phải là quá trình tiêu vong mà là biến đổi của tôn giáo:

Hiện tượng này (động thái xã hội và sự tiến bộ khoa học kỹ thuật) chắc chắn gây ra sự cắt đứt với truyền thống nghìn năm của tôn giáo, nhưng nó cũng canh tân tôn giáo bằng cách cung cấp những nền tảng mới cho sự tồn tại của tôn giáo dưới những hình thức khác nhau....².

Các cuộc tranh luận lý thuyết về quan điểm tôn giáo, về lý thuyết thể tục hóa nêu trên vẫn còn mang tính thời sự. Đặc biệt gần đây Đại hội Mặt Trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ IV (17-19/8/1994) đã công bố Cương lĩnh có điểm liên quan đến tín ngưỡng tôn giáo.

Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu thuộc đời sống tinh thần của con người. Tôn trọng và thực hiện đúng quyền tự do tín ngưỡng hoặc không tín ngưỡng tôn giáo, giữ gìn, bảo vệ những nơi thờ tự của các tôn giáo, tín ngưỡng; tôn trọng sinh hoạt bình thường của các tôn giáo. Chống mọi hành vi xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để gây chia rẽ dân tộc, phương hại đến lợi ích của nhân dân, của đất nước. Phát huy tác dụng tích cực của các tôn giáo trong việc hướng thiện và từ thiện.

Cũng trong Đại hội này, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đề cập đến việc "Xây dựng tình đoàn kết lương giáo, tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, không can thiệp vào công việc nội bộ các tôn giáo". Những tuyên bố khẳng định trên thể hiện việc tôn trọng nguyên tắc tách biệt Nhà Nước khỏi Nhà Thờ trong nghĩa tích cực, trong một quá trình thể tục hóa đích thực.

¹. Tạp chí dân tộc học Xô Viết (tiếng Nga) 1979. số 3. tr. 87

². Tạp chí Dân tộc học Xô Viết (tiếng Nga) 1980. tr 93-94